

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 13 - 4 - 2022

“V/v tranh chấp chia tài sản sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu và ông Trần Đức Long

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2022/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022, về việc: *Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2021/HNGĐ - ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 510/2022/QĐ-PT ngày 16/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Dương Thị Thúy H - Luật sư Văn phòng luật sư M; địa chỉ: đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Tất Th, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H1, sinh năm 1939 (mẹ đẻ anh Th đã chết vào ngày 04/6/2021). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1:

+ Chị Phan Thị L1, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Phan Thị L2, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Anh Phan Tất Th là bị đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc H trình bày như sau:

Chị Đặng Thị Ngọc H và anh Phan Tất Th trước đây là vợ chồng nhưng do trong cuộc sống đã xảy ra mâu thuẫn nên hai bên đã thuận tình ly hôn và đã được Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách công nhận tại quyết định số: 40/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 20/3/2019, về phần tài sản chung chị H và anh Th tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Biên bản tự thỏa thuận phân chia tài sản ngày 01/3/2019 có xác nhận của UBND xã Hải Phú với các nội dung cụ thể như sau:

- Thừa đất số 05, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính xã H, diện tích 351,2m² được UBND huyện B, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/8/2015 mang tên Phan Tất Th và Đặng Thị Ngọc H sẽ chia cho ba người anh Th, chị H và bà H1 mẹ anh Th. Mỗi người được hưởng một phần bằng nhau (phần của bà H1 sau này khi bà mất sẽ giao lại cháu Phan Phú An Đ khi Đ có gia đình).

- Thừa đất số 04, tờ bản đồ số 06 Bản đồ địa chính xã H, diện tích 726m² (nay được đổi thành thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 với diện tích 909,9m²) được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/7/2011 mang tên Phan Tất Th và Đặng Thị Ngọc H sẽ giao lại cho các con là Phan Phú An Đ và Phan Phú An Kh mỗi con ½ thửa đất.

- Tài sản các bia mộ tại xưởng sản xuất giao cho anh Th làm việc.

- 01 ki-ốt tại chợ L được quyền sở hữu của chị Đặng Thị Ngọc H và 01 xe mô tô loại SH, chị H phải đưa thêm cho anh Th 100.000.000 đồng

Nhưng sau khi ly hôn chị H và anh Th không tự giải quyết được về các thửa đất như đã thỏa thuận. Nay chị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung cụ thể như sau:

Thứ nhất: Đối với thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính xã H, diện tích 351,2m² được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/8/2015 mang tên Phan Tất Th và Đặng Thị Ngọc H. Trên thửa đất này có một căn nhà cấp 4 đổ bằng 1 tầng diện tích khoảng 200 m² đang do anh Th quản lý, sử dụng. Đây là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân, ngoài ra chị H và anh Th còn vay mượn thêm cả hai bên gia đình nội, ngoại để nhận chuyển nhượng thửa đất trên.

Thứ hai: Đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 06 Bản đồ địa chính xã H, diện tích 726m² đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/7/2011 (nay được đổi thành thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 với diện tích 817,9 m²) mang tên Phan Tất Th và Đặng Thị Ngọc H. Trên thửa đất này có một nhà xưởng sản xuất bia mộ (sau khi thỏa thuận phân chia tài sản thì anh Th đã tháo dỡ hết để chuyển về sản xuất tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02 nêu trên, thửa đất này đang bỏ trống, trên đất không còn tài sản gì). Đây là tài sản chung hình thành trong thời kỳ

hôn nhân do cả hai vợ, chồng dành dụm, tiết kiệm sau một thời gian kinh doanh sinh lợi, ngoài ra chị H và anh Th còn vay mượn thêm để nhận chuyển nhượng thửa đất trên.

Đề nghị Tòa án phân chia hai thửa đất nêu trên, bên nào nhận thửa đất có giá cao hơn thì sẽ bù chênh lệch cho bên nhận được thửa đất có giá thấp hơn, tại cấp sơ thẩm chị H không yêu cầu bù tiền chênh lệch cho nhau, cụ thể: Chị H có nguyện vọng được nhận thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01; giao anh Th nhận thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02 và ngôi nhà cấp bốn trên thửa đất này. Các tài sản khác đã giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thống nhất như trình bày và yêu cầu của nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc H. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Bị đơn anh Phan Tấn Th trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa như sau:

- Đối với tài sản thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02, diện tích 351,2 m² có nguồn gốc là do bà Lê Thị H1 mẹ đẻ của anh bán căn nhà và đất của bà tại thôn Th cho anh Nguyễn Văn B ở thôn Th, xã H (anh B nay đã đi nước ngoài) được 620.000.000 đồng, cộng với tiền tích góp của mẹ anh và các anh em ở trong Đà Nẵng cho thêm tiền để anh mua thửa đất và ngôi nhà cấp 4 đồ bằng diện tích khoảng 200 m². Chị H không có đóng góp tiền bạc, công sức gì cho việc mua thửa đất này. Hiện nay mẹ anh là bà Lê Thị H1 đã chết, anh đề nghị Tòa án giao toàn bộ căn nhà và đất này cho anh để sinh sống, sản xuất và thờ phụng bố mẹ và ông bà tổ tiên.

- Đối với thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01, có diện tích là 817,9 m²: Có nguồn gốc từ việc anh làm nghề có tích trữ được một ít tiền và các anh, chị trong Đà Nẵng của anh cho thêm tiền mua được thửa đất này với số tiền 420.000.000 đồng để làm nghề bia mộ nuôi mẹ già và vợ, con. Hiện nay anh đã tháo dỡ nhà xưởng sản xuất bia mộ trên thửa đất này chuyển về sản xuất tại thửa 05, tờ bản đồ số 02. Anh không chấp nhận yêu cầu của chị H, đề nghị phân chia cho 2 con trai Phan Phú An Kh và Phan Phú An Đ mỗi con ½ diện tích.

- Đối với số tiền tiết kiệm 400.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng nông nghiệp (Agribank) tại huyện Bố Trạch, nguồn gốc số tiền 400.000.000 đồng: Năm 2017, anh bỏ tiền ra 788.000.000 đồng để mua 01 lô đất trống, mua của anh Trần Quang Tr ở thôn T, xã H. Đến tháng 10/2018 thấy được giá anh đã bán cho anh chị D (địa chỉ thôn L, xã H) với số tiền 1.750.000.000 đồng. Sau khi bán xong anh giao cho vợ (chị H) cầm tiền. Đến khoảng tháng 12/2018 anh có hỏi tiền đâu rồi thì chị H nói là đã trả nợ

nần và chi tiêu hết rồi, bây giờ còn lại 400.000.000 đồng nên chị H đã đi gửi Ngân hàng nông nghiệp Agribank tại huyện Bố Trạch. Đến đầu năm 2019, trước khi chị H viết đơn ly hôn anh 02 ngày (ngày viết đơn ly hôn là ngày 23/01/2019) thì anh nghe thông tin chị H đã tự ý rút số tiền 400.000.000 đồng mà đã không thông báo cho anh biết và đã tự ý chiếm đoạt số tiền từ đó đến nay. Đây là số tiền tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Tòa án buộc chị H trả lại số tiền này cho anh.

- Đối với 01 ki ốt bán áo quần tại chợ Lý Hòa, năm 2018, hai vợ chồng có bỏ tiền ra mua lại 01 Ki ốt bán áo quần của chị Hoàng Thị H2 địa chỉ tại thôn Quốc lộ 1A, xã H diện tích khoảng 25m² tại đình chợ Lý Hòa với số tiền 350.000.000 đồng. Đến năm 2019, anh nghe tin chị H đã bán cho chị dâu của mình (chị L3) với số tiền 800.000.000 đồng mà không có ý kiến gì của anh. Chị H khai rằng vì kinh doanh thua lỗ nên đã bán lại Ki ốt 100.000.000 đồng là không đúng. Thực tế chị H bán ki ốt lại cho người khác giá 800.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án chia đôi số tiền bán Ki ốt 800.000.000 đồng.

Ngày 01/6/2020, anh Th làm đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề nêu trên và đã nộp tiền tạm ứng án phí. Ngày 19/11/2020 anh Th làm đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố và đề nghị Tòa án trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh. Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch ra quyết định đình chỉ giải quyết và trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Thành.

Đến ngày 17/5/2021 anh Th có đơn kiến nghị yêu cầu Tòa án giải quyết lại các yêu cầu nêu trên.

Đại diện những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Lê Thị H1 đã chết ngày 04/6/2021) là chị Phan Thị L1 (con gái bà H1) trình bày:

Thửa đất và nhà ở thôn Th, xã H mà anh Th và chị H bán cho anh Nguyễn Văn B số tiền 620.000.000 đồng nguồn gốc là của bà H1, số tiền này cộng với số tiền các anh, chị, em trong gia đình giúp đỡ anh Th mua lại thửa đất thửa số 05, tờ bản đồ số 02 và làm nhà (anh Th đang sử dụng). Chị H không có công sức gì trong việc tạo dựng ngôi nhà và thửa đất này. Vì vậy, chị L1 đề nghị không phân chia ngôi nhà cấp bốn và thửa đất nêu trên, đề nghị giao cho anh Th được quyền sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02 và sở hữu ngôi nhà cấp bốn gắn liền với thửa đất này, để con, cháu có nơi thờ cúng cha mẹ, ông bà, tổ tiên.

Kết quả thẩm định, xem xét tại chỗ, định giá và kết quả xác minh về tài sản tại cấp sơ thẩm:

- Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 (trước đây là thửa số 4, tờ bản đồ số 6, diện tích theo giấy chứng nhận QSD đất 726 m² (trong đó 160 m² đất ở và 566 m² đất hàng

năm khác), bản đồ địa chính xã H, diện tích thực tế là 817,9 m², biên bản định giá ghi thửa đất thuộc vị trí 1, khu vực 1 có trị giá: 416.390.700 đồng, giá 1m² đất ở = 1.980.000 đồng, đất trồng cây hàng năm là 33.000 đồng/1m² (trên đất không còn tài sản gì). Diện tích, ranh giới, kích thước như ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trích lục bản đồ địa chính; Thửa đất số 05, tờ bản đồ 02, Bản đồ địa chính xã Hải Phú diện tích 351 m² (trong đó 183 m² đất ở và 168 m² đất trồng cây hàng năm khác), biên bản định giá ghi giá 183 m² đất ở tại nông thôn vị trí 2 khu vực 2 giá 676.000 đồng/1m², 168 m² đất trồng cây hàng năm vị trí 2 xã đồng bằng giá 22.000 đồng/1m². Tuy nhiên khi lập biên bản định giá do nhầm lẫn về vị trí thửa đất nên ngày 21/10/2021 Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã lập biên bản xác minh tại xã Hải Phú (BL 131A) thì thửa đất số 5, tờ bản đồ số 01 thuộc vị trí 2 khu vực 2 nên bản án sơ thẩm xác định giá trị thửa đất 148.793.800 đồng là đúng (200 m² đất ở x 676.000 đồng/m² = 135.200.000 đồng, 617,9 m² đất trồng cây hàng năm x 22.000 đồng = 13.593.800 đồng) và thửa đất số 05 tờ bản đồ số 02 thuộc vị trí 1 khu vực 1, giá 1.980.000 đồng/1m² đất ở và 33.000 đồng/1m² đất trồng cây hàng năm, thửa đất có giá trị là 367.884.000 đồng là đúng (183 m² đất ở x 1.980.000 đồng và 168 m² đất trồng cây hàng năm x 33.000 đồng) trên thửa đất số 05 tờ bản đồ số 02 có ngôi nhà cấp bốn, đương sự không yêu cầu định giá và phân chia. Diện tích, ranh giới, kích thước như ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Trích lục Bản đồ địa chính.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 31/2021/HNGĐ-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, khoản 3 Điều 45, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc H và một phần đại diện những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị L1.

- Giao chị Đặng Thị Ngọc H được quyền sử dụng đất thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính xã H, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình diện tích 817,9 m² (kể cả phần diện tích tăng hiện trạng thực tế là 91,9 m² theo Trích lục bản đồ địa chính xã Hải Phú), trị giá 148.793.800 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn tám trăm đồng), được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/8/2015 mang tên Phan Tất Th và Đặng Thị Ngọc H, số BG 247377 (trước đây là thửa số 04, tờ bản đồ số 06).

- Giao anh Phan Tất Th được quyền sử dụng đất thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính xã H, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, diện tích 351,2 m² trị

giá 367.884.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng), được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/7/2011 mang tên Phan Tất Th và Đặng Thị Ngọc H, số CB 129223 và giao cho anh Th sở hữu ngôi nhà cấp bốn gắn liền với thửa đất này.

Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc H không yêu cầu bị đơn anh Phan Tất Th trả số tiền bù chênh lệch trị giá 02 thửa đất nêu trên.

Chấp nhận sự tự nguyện của đại diện những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Giao cho anh Phan Tất Th thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02 và sở hữu ngôi nhà cấp bốn gắn liền với thửa đất này.

Chị H và anh Th có quyền và trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai để giải quyết các vấn đề liên quan đến 02 thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Đặng Thị Ngọc H phải chịu 7.439.690 đồng (bảy triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 28.500.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và được nhận lại số tiền 21.060.310 đồng (hai mươi một triệu không trăm sáu mươi nghìn ba trăm mười đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bó Trach, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai số 0003418, ngày 28/02/2020. Anh Phan Tất Th phải chịu 18.394.200 đồng (mười tám triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng số tiền 7.000.000 đồng, nhưng được tính trừ số tiền chị H đã nộp 7.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng. Chị H và anh Th mỗi người chịu một nửa số tiền chi phí tố tụng, cụ thể: chị H chịu 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng); anh Th chịu 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, chị H đã nộp đủ chi phí tố tụng; anh Th phải trả lại cho chị H số tiền chi phí tố tụng 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp thay cho anh Th.

Bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự theo quy định.

Ngày 06/12/2021, anh Phan Tất Th làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm cho giám định chữ ký của chị H trong tờ nhận tiền bán nhà; thu hồi tiền bán ki ốt giá 800 triệu đồng và 400 triệu đồng tiền rút tại Ngân hàng cùng số tiền 1 tỷ 750 triệu đồng bán lô đất và một số tiền vàng cùng trang sức và 2 thẻ đỏ. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo là anh Thành đã rút yêu cầu giám định chữ ký của chị H, giữ nguyên các yêu cầu khác.

Tại phiên tòa bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phan Tất Th, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định số tiền gửi tiết kiệm 400.000.000 đồng chị H đã rút tại Ngân hàng là tài sản chung và chia mỗi người được hưởng 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Xét kháng cáo của anh Thành làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị H và anh Th đã ly hôn, về phần tài sản chung do không thỏa thuận được nên đã yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại xã Hải Phú, huyện Bố Trạch nên đây là vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Về sự có mặt của người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa anh Phan Tất Th trình bày chị Phan Thị L1 (chị gái anh) vắng mặt do bị ốm nhưng anh đề nghị Tòa án xét xử. Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của anh Th chỉ liên quan đến việc **xem xét số tiền chị H đã bán ki ốt giá 800 triệu đồng và 400 triệu đồng tiền chị H rút tại Ngân hàng cùng số tiền 1 tỷ 750 triệu đồng bán lô đất và một số tiền vàng cùng trang sức và 2 thẻ đỏ đối với chị H (nguyên đơn), nên việc vắng mặt của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.**

[2] Về nội dung:

Theo yêu cầu của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chỉ giải quyết 02 thửa đất. Bị đơn (anh Th) có đơn phản tố nhưng đã rút yêu cầu phản tố, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn. Trong trường hợp này việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố là không đúng, bởi việc một bên khởi kiện chia tài sản chung, bên kia cũng có đơn yêu cầu đưa các tài sản khác là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân vào để phân chia, đây không phải là yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ, đáng lẽ khi nhận đơn của đương sự, Tòa án sơ thẩm hướng dẫn đương sự làm lại đơn, tuy nhiên sau đó bị đơn đã rút lại đơn và đề nghị Tòa án trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Th đồng thời trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Th.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Phan Tất Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị H khởi kiện chia hai thửa đất nêu trên, không yêu cầu giải quyết tài sản nào khác vì các tài sản khác theo chị H đã thỏa thuận và thực hiện xong đồng thời đề nghị xin được nhận thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01 diện tích 817,9 m², giao cho anh Th thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02 diện tích 351,2 m² gắn liền với ngôi nhà cấp bốn đồ bằng, hai bên không bù tiền chênh lệch tài sản cho nhau.

Hiện nay anh Th đang sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02 gắn liền với ngôi nhà cấp 4 và đang sinh sống, sản xuất kinh doanh ở đây. Theo biên bản thỏa thuận giữa chị H và anh Th (bà H1, chị H, anh Th mỗi người được hưởng một phần bằng nhau, phần của bà H1 sau này khi bà mất sẽ giao lại cho cháu Phan Phú An Đ khi Đ có gia đình), như vậy chị H, anh Th đã xác định thửa đất và ngôi nhà cấp 4 có công sức đóng góp của bà H1; chị Phan Thị L1 đại diện những người thừa kế quyền nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị giao toàn bộ ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 05 tờ bản đồ số 02 cho anh Th sử dụng. Chị H cũng đồng ý giao thửa đất trên cho anh Th, riêng về ngôi nhà không yêu cầu định giá và không phân chia mà giao cho anh Th sở hữu, sử dụng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện trên của các đương sự giao cho anh Phan Tất Th được quyền sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính xã Hải Phú, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, diện tích 351,2 m² (diện tích theo trích lục bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bố Trạch lập ngày 26/02/2020), trị giá 367.884.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng), được UBND huyện Bố Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/7/2011 mang tên Phan Tất Th và Đặng Thị Ngọc H, số CB 129223 và được quyền sở hữu ngôi nhà cấp bốn gắn liền với thửa đất trên; giao cho chị Đặng Thị Ngọc H được quyền sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính xã Hải Phú, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình diện tích 817,9m² (kể cả phần diện tích tăng hiện trạng thực tế là 91,9 m² theo Trích lục bản đồ địa chính xã Hải Phú do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bố Trạch lập ngày 26/02/2020), trị giá 148.793.800 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm đồng), được UBND huyện Bố Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền, sử dụng đất ngày 27/8/2015 mang tên Phan Tất Th và Đặng Thị Ngọc H, số BG 247377 (trước đây là thửa số 04, tờ bản đồ số 06), về giá trị của 02 thửa đất được Hội đồng định giá các bên đương sự nhất trí, không ai có ý kiến gì, các bên đương sự không phải bù tiền chênh lệch giá trị tài sản cho nhau là phù hợp với ý chí nguyện vọng của các bên và phù hợp với pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Th về khoản tiết kiệm 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) mà chị Hà gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Phòng giao dịch Bố Trạch. Khoản tiền này chị H cho rằng: chị đã rút ra để sử dụng thanh toán các khoản nợ chung mà chị H và anh Th đã vay mượn để

nhận chuyển nhượng đất trước đó, cũng như mua sắm các nguyên vật liệu, vật tư, máy móc cho anh Th hành nghề làm bia mộ, và một phần để dành mua sắm đồ đạc, chi tiêu cho sinh hoạt gia đình. Ngay trong văn bản thỏa thuận phân chia tài sản của chị H và anh Th trước khi ly hôn, anh Th biết rõ và hai bên không có đề cập đến khoản tiền tiết kiệm tại thời điểm đó nên hiện không còn. Tuy nhiên chị H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc chị H dùng số tiền đó cho việc trả nợ và mua sắm đồ đạc, chị Hà rút khoản tiền trên tại thời điểm chị H làm đơn xin ly hôn (ngày gửi tiền 16/01/2019, ngày Tòa án thụ lý đơn ly hôn 21/02/2019, ngày 22/02/2019 chị H rút hết số tiền trên - BL 81, 85, 86) như vậy Hội đồng xét xử xác định số tiền gửi tiết kiệm 400.000.000 đồng mà chị H đã rút vào ngày 22/02/2019 là tài sản chung của chị H và anh Th, trên nguyên tắc tài sản chung được chia đôi, chị H được hưởng 200.000.000 đồng, anh Th được hưởng 200.000.000 đồng nhận từ chị H.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Th về Kí ốt tại chợ Lý Hòa. Trước khi ly hôn chị H và anh Th đã thỏa thuận thống nhất với nhau: Chị H được sở hữu 01 Kí ốt tại chợ Lý Hòa và 01 xe Honda SH, chị H phải đưa thêm cho anh Th 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), đổi lại anh Th được phân chia nhà xưởng và số nguyên vật liệu bia đá, vật tư cũng như các loại máy móc để sản xuất bia mộ. Sau đó, chị H đã thực hiện nghĩa vụ của sự thỏa thuận trên là đã thanh toán cho anh Th 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), anh Th đã nhận tiền và không có ý kiến gì, đồng thời anh Th cũng đã thực hiện việc tháo dỡ nhà xưởng và các tài sản dùng sản xuất bia, mộ tại thửa đất số 05 tờ bản đồ số 01 (thửa đất giao cho chị H) để về làm tại nhà anh Th. Chị H trình bày tại cấp sơ thẩm: sau khi được phân chia Kí ốt theo thỏa thuận, vì kinh doanh thua lỗ nên chị Hà đã chuyển nhượng Kí ốt trên cho bà Hoàng Thị L3 với giá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay chị thừa nhận là bán kí ốt trên cho chị L3 với giá 500.000.000 đồng và số tiền bán Kí ốt trên một phần đã thanh toán 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho anh Th theo thỏa thuận phân chia tài sản, phần còn lại chị H đã chi tiêu vào cuộc sống để nuôi con. Anh Th cho rằng chị H bán kí ốt lại cho người khác giá 800.000.000 đồng, đề nghị Tòa án chia đôi số tiền bán Kí ốt 800.000.000 đồng nhưng anh Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì. Căn cứ kết quả xác minh thì có việc chị H chuyển nhượng kí ốt trên cho chị L3 giá 500.000.000 đồng, tuy nhiên do chị H không yêu cầu anh Th bù tiền chênh lệch về giá trị QSD đất tại thửa đất số 05 tờ bản đồ số 02 xã Hải Phú, huyện Bố Trạch và giá trị nhà xưởng cùng các tài sản dùng sản xuất bia, mộ mà anh Th được hưởng là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh Th là có cơ sở.

[2.4] Đối với kháng cáo của anh Th về số tiền 1 tỷ 750 triệu đồng bán lô đất và một số tiền vàng cùng trang sức và 2 thẻ đỏ, anh Th cho rằng chị H đã giữ nên đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H giao lại cho anh, Hội đồng xét xử thấy: theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh: *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp..."*, từ cấp sơ thẩm cho đến cấp phúc thẩm, anh Thành có yêu cầu nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ, anh Th thừa nhận sau khi bán lô đất thì nghe chị H nói đã trả nợ và chi tiêu trong gia đình, chỉ còn lại số tiền 400.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại ngân hàng và như đã phân tích nhận định tại tiểu mục [2.2] thì xác định số tiền 400.000.000 đồng đó là tài sản chung và phân chia mỗi người được hưởng 200.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Th về khoản tiền chị H đã bán ki ốt. Riêng về 02 thẻ đỏ (Giấy chứng nhận QSD đất) của 02 thửa đất, chị H đang giữ, sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thì các bên có trách nhiệm thi hành.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh Th, sửa một phần Bản án sơ thẩm, xác định số tiền 400.000.000 đồng chị H gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agrbank) - Phòng giao dịch Bồ Trách và chị H đã rút hết là tài sản chung của chị H, anh Th, buộc chị H giao cho anh Th 200.000.000 đồng, còn lại chị H được hưởng 200.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; kháng cáo của anh Thành được chấp nhận một phần nên anh Thành không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng thẩm định, định giá tài sản: chị H chịu 3.500.000 đồng; anh Thành chịu 3.500.000 đồng. Chị H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 7.000.000 đồng tại Tòa án và đã chi hết nên anh Th phải trả lại cho chị Hà số tiền 3.500.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phan Tất Th, sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2021/HNGĐ-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc H:

- Giao cho chị Đặng Thị Ngọc H được quyền sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01, xã Hải Phú, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình diện tích 817,9m² trong đó có 200 m² đất ở và 617,9 m² đất trồng cây hàng năm khác (kể cả phần diện tích tăng hiện trạng thực tế là 91,9 m² theo Trích lục bản đồ địa chính xã Hải Phú), trị giá 148.793.800 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn tám trăm đồng), do UBND huyện Bồ Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/8/2015 mang tên Phan Tất Th và Đặng Thị Ngọc H, số BG 247377 (trước đây là thửa số 04, tờ bản đồ số 06) và được hưởng 1/2 số tiền gửi tiết kiệm đã rút tại Ngân hàng Agribank là 200.000.000 đồng, cộng giá trị tài sản chung chị H được hưởng là 348.793.800 đồng;

- Buộc chị H có trách nhiệm giao cho anh Th 1/2 số tiền gửi tiết kiệm chị H đã rút tại Ngân hàng Agribank là 200.000.000 đồng.

- Chấp nhận sự tự nguyện của chị H và đại diện những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Giao cho anh Phan Tất Th được quyền sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02, xã Hải Phú, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình, diện tích 351 m² trong đó có 183 m² đất ở và 168 m² đất trồng cây hàng năm khác, trị giá 367.884.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng), do UBND huyện Bồ Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/7/2011 mang tên Phan Tất Th và Đặng Thị Ngọc H, số CB 129223 và giao cho anh Thành sở hữu ngôi nhà cấp bốn gắn liền với thửa đất này.

(có trích lục 02 thửa đất kèm theo)

- Anh Th được nhận tại chị H 1/2 số tiền gửi tiết kiệm là 200.000.000 đồng, cộng giá trị tài sản chung anh Th được hưởng 567.884.000 đồng.

- Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc H không yêu cầu bị đơn anh Phan Tất Th bù tiền chênh lệch trị giá 02 thửa đất nêu trên và không yêu cầu chia giá trị ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 05 tờ bản đồ số 2, xã Hải Phú, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chị H và anh Th có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục biến động và sang tên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về án phí:

- Chị Đặng Thị Ngọc H phải chịu 17.439.600 đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng), chị H được nhận lại số tiền 11.060.400 đồng (Mười một triệu, không trăm sáu mươi nghìn bốn trăm đồng) tiền chênh lệch theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0003418, ngày 28/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Anh Phan Tất Th phải chịu 26.715.300 đồng (Hai mươi sáu triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng phí số 31AA/2021/0002536 ngày 10/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch. Anh Th còn phải nộp tiếp 26.415.300 đồng. Anh Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí tố tụng thẩm định, định giá tài sản: chị H chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp đủ tại Tòa án; anh Th phải chịu và có trách nhiệm trả lại cho chị H số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 13/4/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn

